

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Ngô Thị Thom

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 523/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*, theo *inh\\Tòa hành chính\\TP. Hoa\\HNGĐ\\Năm 2024\\TLST 426 Cúc Điện\\1"* \o "quyết"Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Chị T, anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, inh\\Tòa hành chính\\TP. Hoa\\HNGĐ\\Năm 2024\\TLST 426 Cúc Điện\\3" \o "Bản" bản tự khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/11/2015. Sau khi kết hôn chị chuyển về sống cùng gia đình anh Đ tại P, Chi Lăng B, T, Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn,

không có tiếng nói chung, khác biệt về quan điểm sống và nuôi dạy con cái. Khoảng năm 2019, anh Đ đã sang Đài Loan lao động và sinh sống. Vợ chồng chị T và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 12/6/2016. Hiện tại con Trần Khánh L đang ở cùng chị nên khi ly hôn chị đề nghị giao con cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng: Chị đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của ông Trần Văn M (bố đẻ của anh Đ):

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh Đ. Ông Trần Văn M (là bố đẻ của anh Đ) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ nhất trí để chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi, nhưng nếu sau khi ly hôn, chị T kết hôn với người khác thì phải chuyển cháu L cho anh Đ được nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ nhất trí với yêu cầu của chị T về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh Đ và cam kết thông báo lại cho anh Đ được biết.

Con chung của chị T và anh Đ là cháu Trần Khánh L có văn bản trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Đ có quan điểm đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

con chung Trần Khánh L, sinh ngày 12/6/2016 cho đến khi con trưởng thành. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng chị T là 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Văn Đ. Bị đơn anh Đ hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại P, C, T, Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người nhà trong gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình anh Đ không cung cấp được. Thông qua gia đình anh Đ xác định anh Đ có liên lạc về gia đình, anh Đ có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T theo biên bản lấy lời khai của ông M (là bố đẻ của anh Đ). Do vậy, áp dụng Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa chị T có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt; anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/11/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, anh Đ đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ và có đơn xin ly hôn, anh Đ có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp

nhận cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị T và anh Đ có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 12/6/2016. Hiện tại con Trần Khánh L đang ở cùng chị T nên khi ly hôn chị đề nghị giao con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh Đ đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; cháu L cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi trưởng thành.

Về ý kiến của anh Đ đề nghị trường hợp chị T kết hôn với người khác sau khi ly hôn với anh Đ thì chị T phải chuyển con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử giải thích cho anh Đ được biết sau khi ly hôn, thì việc thay đổi người nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng/tháng, anh Đ nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thống nhất được mức cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

Anh Trần Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Khánh L, sinh ngày 12/6/2016 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho con chung cùng chị T là 2.000.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 04/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0005420 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường